TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày: 05-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.

2. Bà Lê Thị Chung.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Di Linh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh***: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 26/7/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-DS ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C.**

Địa chỉ: Số 68 Lý Thường Kiệt, tổ 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Kim Đồng là đại diện theo ủy quyền của bà D ông C, theo văn bản ủy quyền lập ngày 07/7/2022.

- Bị đơn: **Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P.** Địa chỉ: Số 06 Hoàng Văn Thụ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà P có mặt; vợ chồng bà D ông C vắng mặt, ông Đồng là đại diện theo ủy quyền có mặt; vắng mặt, ông B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thay mặt nguyên đơn, ông Đồng trình bày: Do có quen biết từ trước trong quá trình mua bán cà phê với nhau, bà D ông C có 03 lần cho bà P ông B vay tiền, mục đích

cho vay để bà P ông B có vốn mua bán cà phê, cụ thể ngày 09/3/2021 cho vay 360.000.000đ; ngày 15/4/2021 cho vay 400.000.000đ và ngày 08/01/2022 cho vay 36.000.000đ. Trong các lần cho vay này giữa bà D và vợ chồng ông B bà P đều làm giấy vay tiền hẹn ngày trả nợ, không ghi nhận lãi suất. Tuy nhiên các bên có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là 4,5%/tháng. Đến hẹn trả nợ bà P ông B không thanh toán. Kể từ ngày 18/01/2022 nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả tiền gốc và lãi nhưng bị đơn không thanh toán. Nay yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P trả cho vợ chồng bà D ông C số tiền nợ gốc 796.000.000đ và tiền lãi 235.437.000đ. Tổng chung số tiền yêu cầu là 1.031.437.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy vay tiền ghi ngày 09/3/2021; giấy vay tiền ghi ngày 15/4/2021; giấy vay tiền ghi ngày 08/01/2022. Ngoài ra nguyên đơn không giao nộp bổ sung tài liệu gì, không đề nghị Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ gì khác.

Về phía bị đơn, bà P trình bày: Việc vay tiền trong ngày 09/3/2021 và ngày 15/4/2021 như nguyên đơn trình bày là đúng. Ngày 08/01/2021, bà D tính tiền lãi của số tiền gốc 360.000.000đ theo mức 4,5%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 09/3/2021 đến ngày 08/01/2022 thành tiền là 162.000.000đ; Ngày 15/4/2021 bà D tính tiền lãi của số tiền gốc 400.000.000đ theo mức 4,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 15/4/2021 đến ngày 08/01/2022 thành tiền là 159.000.000đ. Như vậy tổng tiền lãi là 321.000.000đ. Ngày 14/10/2021, bà P có đến nhà trả cho bà D 289.000.000đ, tại đây bà P có yêu cầu trả vào gốc nhưng bà D không đồng ý do đó bà phải trả số tiền 289.000.000đ này vào nợ lãi, như vậy số tiền lãi đã trả còn thiếu 36.000.000đ so với tiền lãi đã tính toán là 321.000.000đ. Vì vậy bà D yêu cầu bà P viết thêm một giấy nợ khác ghi ngày 08/01/2022 với số tiền nợ 36.000.000đ. Khi trả số tiền lãi 289.000.000đ này thì chỉ có bà P và bà D, ngoài ra không ai chứng kiến và cũng không làm giấy tờ gì, bà P chỉ tự ghi chép lại để theo dõi mà thôi. Nay bà D ông C yêu cầu vợ chồng bà P ông B trả 796.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 235.437.000đ. Tổng chung số tiền yêu cầu là 1.031.437.000đ thì bà P không đồng ý. Bà đề nghị trừ số tiền 289.000.000đ mà bà đã trả vào ngày 14/10/2021 vào số nợ gốc 360.000.000 đã vay ngày 09/3/2021, như vậy số tiên nợ gốc vợ chồng đồng ý trả là 471.000.000đ. Đối với số tiền lãi mà bà D khởi kiện thì do vợ chồng bà đang khó khăn. Vì vậy không đồng ý thanh toán. Về tài liệu chứng cứ thì bà P không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì, không đề nghị Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ gì, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự, người tham gia tố tụng nào khác.

Ông B chồng bà P không đến Tòa án làm việc nên tòa án không ghi được lời khai. Tuy nhiên ngày 23/8/2022 ông B có gửi bản trình bày ý kiến, ghi ngày 20/8/2022. Nội dung ông B thống nhất như lời trình bày của bà P, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định và ông B cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:

Đại diện cho nguyên đơn và bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Do ông B không đến tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải. Tòa án đã tiến hành buổi tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Kim Đồng đại diện cho nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông B và bà P trả cho vợ chồng bà D ông C số tiền nợ gốc 796.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử cụ thể:

Lãi trong hạn.

- Lãi trong hạn của số tiền gốc 360.000.000đ x 1,67%/tháng x thời gian tính lãi từ ngày 09/3/2021 đến ngày 18/01/2022 là 310 ngày, thành tiền 62.124.000đ;

- Lãi trong hạn của số tiền gốc 400.000.000đ x 1,67%/tháng x thời gian tính lãi từ ngày 15/4/2021 đến ngày 18/01/2022 là 274 ngày, thành tiền là 61.010.000đ

- Lãi trong hạn của số tiền gốc 36.000.000đ x 1,67%/tháng x thời gian tính lãi từ ngày 08/01/2022 đến ngày 18/01/2022 là 10 ngày, thành tiền là 200.000đ.

Lãi quá hạn của số tiền 796.000.000đ x 30%/năm x thời gian tính lãi từ ngày 19/01/2022 đến ngày 05/9/2022 thành tiền là 151.295.000đ.

Tổng số tiền lãi yêu cầu là 274.629.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu là 1.070.629.000đ. Ông Đồng xác định thời gian áp dụng tính lãi một tháng là 30 ngày, một tuần là 07 ngày.

Bà P trình bày: Số tiền 36.000.000đ theo giấy vay tiền ghi ngày 08/01/2022 bản chất là số tiền lãi phát sinh của hai khoản vay 760.000.000đ mà bà đã vay trước đó, chứ bà không vay thêm của bà D số tiền 36.000.000đ vào ngày 08/01/2022. Số tiền gốc mà bà thực vay chỉ có 750.000.000đ. Đề nghị trừ số tiền lãi đã trả 289.000.000đ ngày 14/10/2021 vào số nợ gốc. Số nợ gốc còn lại bà đồng ý trả. Số tiền lãi bà xin không thanh toán vì hoàn cảnh kinh tế hiện nay gia đình bà rất khó khăn. Ngoài ra khi vay tiền thì bà D ông C không cầm giữ tài sản, giấy tờ gì của vợ chồng bà nên không có yêu cầu giao trả gì cả.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm xử lý:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của đồng bị đơn ông Nguyễn Thanh B và nguyên đơn bà D ông C. Hội đồng xét xử thấy rằng ông B đã có văn bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đồng đại diện theo ủy quyền của bà D ông C tham gia phiên tòa. Căn Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[4] Về nội dung tranh chấp : Xét nội dung và hình thức của các giấy vay tiền ngày 09/3/2021; ngày 15/4/2021 và ngày 08/01/2022 thì thấy rằng các bên tham gia ký kết hợp đồng vay tiền trên tinh thần tự nguyện, tự do thỏa thuận. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo d xã hội. Các đương sự đều thừa nhận có tham gia ký kết, tự tay ký tên xác nhận vào các giấy vay tiền nói trên. Căn cứ Điều 92, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 463 và 466 của bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định, các hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2021; ngày 15/4/2021 và ngày 08/01/2022 giữa vợ chồng bà D ông C và vợ chồng ông B bà P có hiệu lực từ ngày giao kết là đúng quy định. Thời hạn trả nợ vay theo hợp đồng là 10 ngày, tính đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận. Do đó cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P trả cho vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C số tiền nợ gốc 796.000.000đ là đúng quy định.

[5] Về yêu cầu tính tiền lãi.

[5.1] Thấy rằng theo các giấy vay tiền ngày 09/3/2021; ngày 15/4/2021 và ngày 08/01/2022 không thỏa thuận về mức lãi suất, tuy nhiên các bên đều thừa nhận có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 4,5%/tháng. Hội đồng xét xử xác định đây là các hợp đồng vay có trả lãi. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 1,67%/tháng làm căn cứ tính lãi trong hạn và lãi quán hạn. Căn cứ các điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo nguyên tắc có lợi cho người có nghĩa vụ. Hội đồng xét xử chỉ áp

dụng mức lãi suất 1,666%/tháng (tương đương lãi trong hạn là 0,055%/ngày, lãi quá hạn là 0,0825%/ngày) làm căn cứ tính tiền lãi là đúng quy định.

[5.2] Theo nội dung giấy vay tiền ngày 09/3/2021 và ngày 15/4/2021, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là sau 10 ngày kể từ ngày vay tiền. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định lại ngày 18/01/2022 là ngày đến hạn phải thanh toán hết tất các khoản vay và đã thông báo thời hạn này nhiều lần cho phía bị đơn. Xét thấy việc xác định lại thời gian trả nợ của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và cũng có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử cần xác định thời điểm để tính lãi quá hạn của khoản vay 350.000.000đ vào ngày 09/3/2021 và 400.000.000đ vào ngày 15/4/2021 là ngày 19/01/2022.

[5.3] Xét nội dung của giấy vay tiền ngày 08/01/2022 với khoản vay 36.000.000đ thì thấy rằng, các bên không thỏa thuận về thời gian trả nợ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn và đồng bị đơn là bà P đều xác định có việc bà D thông báo cho bà P biết đến ngày 18/01/2022 phải trả hết các khoản vay, bao gồm số tiền 36.000.000đ vay ngày 08/01/2022. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, do đó bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay trong một thời gian hợp lý. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 469 của bộ luận Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, ngày nguyên đơn đã thông báo đòi số tiền 36.000.000đ mà bị đơn đã vay ngày 08/01/2022 là ngày 18/01/2022. Ngày bắt đầu tính lãi quá hạn của khoản vay 36.000.000đ này là ngày 19/4/2022 chứ không phải ngày 19/01/2022 như yêu cầu của nguyên đơn.

[5.4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các khoản yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn cụ thể như sau.

[5.4.1] Lãi trong hạn:

- Lãi trong hạn của số tiền gốc 360.000.000đ x 0,055%/ngày x thời gian tính lãi từ ngày 09/03/2021 đến ngày 18/01/2022 (10 tháng 10 ngày, tương đương 310 ngày), thành tiền là 61.380.000đ;

- Lãi trong hạn của số tiền gốc 400.000.000đ x 0,055%/ngày x thời gian tính lãi từ ngày 15/4/2021 đến ngày 18/01/2022 (09 tháng 04 ngày, tương đương 274 ngày), thành tiền là 60.280.000đ;

- Lãi trong hạn của số tiền gốc 36.000.000đ x 0,055%/ngày x thời gian tính lãi từ ngày 08/01/2022 đến ngày 18/04/2022 (03 tháng 11 ngày, tương đương 11 ngày), thành tiền là 217.800đ.

[5.4.2] Lãi quá hạn:

- Lãi quá hạn của số tiền gốc 360.000.000đ x 0,0825%/ngày x thời gian tính lãi từ ngày 19/01/2022 đến ngày 05/9/2022 (07 tháng 17 ngày, tương đương 227 ngày), thành tiền là 67.419.000đ;

- Lãi quá hạn của số tiền gốc 400.000.000đ x 0,0825%/ngày x thời gian tính lãi từ ngày 19/01/2022 đến ngày 05/9/2022 (07 tháng 17 ngày, tương đương 227 ngày), thành tiền là 74.910.000đ;

- Lãi quá hạn của số tiền gốc 36.000.000đ x 0,0825%/ngày x thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2022 đến ngày 05/9/2022 (04 tháng 17 ngày, tương đương 137 ngày), thành tiền là 4.068.900đ.

[5.5] Tổng số tiền lãi yêu cầu được chấp nhận là 268.275.700đ; số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là 6.353.300đ; tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu được chấp nhận là 1.064.275.000đ.

[6] Đối với yêu cầu trừ số tiền lãi 289.000.000đ đã trả ngày 14/10/2021 vào số nợ gốc của bà P ông B thì thấy rằng. Đồng bị đơn, bà P trình bày trong ngày 14/10/2021 bà có đến nhà bà D để trả số tiền 289.000.000đ nhưng không ai chứng kiến cũng không làm giấy tờ gì khi giao trả. Xét thấy khi vay tiền thì các bên có làm giấy vay, ký tên xác nhận rõ ràng, khi trả tiền bà P lại trình bày không làm giấy tờ trả nợ, không thu hồi, không hủy bỏ giấy nợ củ hoặc làm lại giấy nợ mới là không phù hợp với diễn biến thực tế trong cuộc sống. Vì thế, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà P, ông B.

[7] Xét yêu cầu chỉ trả tiền gốc còn lại, không đồng ý trả tiền lãi, vì hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn của bà P thì thấy rằng. Mọi công dân đều b đẳng và phải tuân theo pháp luật, bên cạnh đó trong quá trình thi hành án, các đương sự có thể tự thỏa thuận về việc thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của bà P.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban thường vụ Quốc hội. Vợ chồng bà P ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho vợ chồng bà D ông C là phù hợp. Vợ chồng bà D ông C phải chịu án phí cho phần yêu cầu trả lãi không được chấp nhận là đúng quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[10] Các vấn đề khác: Khi vay tiền, vợ chồng bà P ông B không cầm cố thế chấp tài sản hay giấy tờ có giá nào khác cho vợ chồng bà D ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến việc giao trả tài sản, giấy tờ gì khác giữa các đương sự.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc là phù hợp, tuy nhiên đối với đề nghị chấp nhận trả nợ lãi là chưa đúng với tinh thần của việc tính lãi trong hợp đồng vay có lãi nhưng không xác định kỳ hạn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C.

- Phần yêu cầu được chấp nhận là, vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C số tiền nợ gốc 796.000.000đ và 268.275.700đ tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 1.064.275.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Phần yêu cầu trả tiền lãi của vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C không được chấp nhận là 6.353.300đ (sáu triệu ba trăm năm mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P phải chịu 43.928.250đ (bốn mươi ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C phải chịu 317.665đ (Ba trăm mười bảy nghìn sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C đã nộp tạm ứng án phí 21.500.000đ *(hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0006712 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C được trả lại số

tiền thừa sau khi trừ án phí.

3. Bà Nguyễn Đắc Hoài P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng bà Phạm Thị D, ông Hồ Văn C và ông Nguyễn Thanh B vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Cường Huy

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Phòng nghị án TAND huyện Di Linh. HĐXX đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 26/7/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-DS ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C.**

Địa chỉ: Số 68 Lý Thường Kiệt, tổ 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Kim Đồng là đại diện theo ủy quyền của bà D ông C, theo văn bản ủy quyền lập ngày 07/7/2022.

- Bị đơn: **Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P.** Địa chỉ: Số 06 Hoàng Văn Thụ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Bá Cường Huy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.

2. Bà Lê Thị Chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Ý kiến của các thành viên Hội đồng xét xử:

Ý kiến hội thẩm Hà.

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C.

- Phần yêu cầu được chấp nhận là, vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C số tiền nợ gốc 796.000.000đ và 268.275.700đ tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 1.064.275.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Phần yêu cầu trả tiền lãi của vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C không được chấp nhận là 6.353.300đ (sáu triệu ba trăm năm mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Đắc Hoài P phải chịu 43.928.250đ (bốn mươi ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C phải chịu 317.665đ (Ba trăm mười bảy nghìn sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C đã nộp tạm ứng án phí 21.500.000đ *(hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên

lai thu tiền số 0006712 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Hồ Văn C được trả lại số tiền thừa sau khi trừ án phí.

3. Bà Nguyễn Đắc Hoài P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng bà Phạm Thị D, ông Hồ Văn C và ông Nguyễn Thanh B vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Ý kiến Hội thẩm Chung: Nhất trí với ý kiến của hội thẩm Hà

Ý kiến của chủ Tọa phiên Tòa: Thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm.

+ Biểu quyết: Chủ tọa và hai hội thẩm biểu quyết thống nhất 3/3 phát hành bản án như ý kiến hội thẩm Hà.

Nghị án kết thúc lúc 16 giờ 45 cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA